

Số: 258/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy**

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy áp dụng cho các dự án, công trình và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi chung là dự án) được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Thông tư này không áp dụng đối với thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy dự án quy hoạch tỷ lệ 1/500 và thiết kế cơ sở dự án, chấp thuận địa điểm xây dựng công trình.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy và tổ chức, cá nhân khác có liên

quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi chung là thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy) được hiểu là cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về phòng cháy và chữa cháy được phép áp dụng tại Việt Nam theo thủ tục, trình tự và nội dung thực hiện được quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

Kết quả của thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy là việc cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy ra Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế dự án, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hoán cải phương tiện giao thông cơ giới; văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của hạng mục công trình, thiết kế xây dựng mới hạng mục công trình của dự án thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (Sau đây gọi chung là văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy).

2. Cải tạo công trình, hạng mục công trình là việc nâng cấp chất lượng, mở rộng hoặc điều chỉnh cơ cấu diện tích và các hệ thống kỹ thuật của công trình, hạng mục công trình đang sử dụng. Nội dung cải tạo là thay đổi một hoặc các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

3. Thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình là việc thay đổi về công năng sử dụng, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của công trình, hạng mục công trình so với công năng đang hoạt động. Nội dung thay đổi tính chất sử dụng là thay đổi một hoặc các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

4. Hạng mục công trình là một phần công trình có công năng riêng và có thể vận hành một cách độc lập với các hạng mục công trình khác và việc sử dụng hạng mục này nhằm đáp ứng một yêu cầu cụ thể nào đó của công trình. Hạng mục công trình phải thuộc dự án được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

5. Hoán cải là việc thay đổi quy mô, tính chất hoạt động và đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ, kết cấu, các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy của phương tiện giao thông cơ giới. Nội dung hoán cải là thay đổi một hoặc các yêu cầu về giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với tính chất hoạt động và đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của phương tiện; điều

kiện ngăn cháy lan, thoát nạn, cứu người khi có cháy xảy ra; giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với hệ thống điện, hệ thống nhiên liệu và động cơ; hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác; hệ thống, thiết bị phát hiện và xử lý sự cố rò rỉ các chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ.

Điều 3. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí là cơ quan quản lý nhà nước có chức năng thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy gồm:

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Bộ Công an).
2. Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Công an các tỉnh (đối với các tỉnh chưa thành lập Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy).

Điều 5. Phương pháp tính mức thu phí thẩm định phê duyệt

1. Mức thu phí thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi là mức thu phí thẩm duyệt) đối với dự án xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức thu phí thẩm duyệt} = \frac{\text{Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt}}{\text{án được phê duyệt}} \times \text{Tỷ lệ tính phí}$$

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, chi phí sử dụng đất (tính toán trước thuế).

- Tỷ lệ tính phí được quy định tại các Biểu mức tỷ lệ tính phí 1, 2 kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư nằm giữa các khoảng giá trị tổng mức đầu tư của dự án ghi trong Biểu mức tỷ lệ tính phí 1, 2 kèm theo Thông tư này thì tỷ lệ tính phí được tính theo công thức sau:

$$N_{it} = N_{ib} - \left\{ \frac{N_{ib} - N_{ia}}{G_{ia} - G_{ib}} \times (G_{it} - G_{ib}) \right\}$$

Trong đó:

- N_{it} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (Đơn vị tính: %).

- G_{it} là giá trị tổng mức đầu tư của dự án thứ i cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- G_{ia} là giá trị tổng mức đầu tư cận trên giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- G_{ib} là giá trị tổng mức đầu tư cận dưới giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- N_{ia} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng G_{ia} (Đơn vị tính: %).

- N_{ib} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng G_{ib} (Đơn vị tính: %).

3. Mức thu phí thẩm duyệt phải nộp đối với một dự án được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, mức tối thiểu là 500.000 đồng/dự án và tối đa là 150.000.000 đồng/dự án.

4. Mức thu phí thẩm duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng thiết kế cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; hoán cải phương tiện giao thông cơ giới; xây dựng mới hạng mục công trình được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; hoán cải phương tiện giao thông cơ giới; thiết kế xây dựng mới hạng mục công trình.

Điều 6. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 7. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí được trích lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí bao gồm cả các nội dung chi như sau:

a) Chi bổ sung, hỗ trợ mua, thay thế, thuê phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy phục vụ công tác thẩm duyệt theo quy định tại Thông tư, hướng dẫn của Bộ Công an; hỗ trợ lưu trữ hồ sơ thẩm duyệt.

b) Chi hội đồng thẩm định dự án; thuê tổ chức thực hiện thẩm định dự

án; mua và dịch tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác thẩm duyệt; chi làm thêm giờ cho cá nhân thực hiện thẩm duyệt và thu phí; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ công tác thẩm duyệt.

2. Số tiền còn lại nộp (20%) vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 150/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

2. Các hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng được cấp văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư này.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

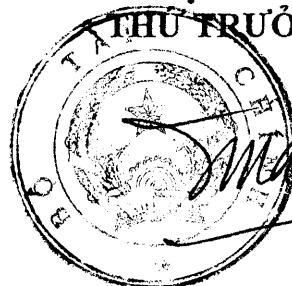
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

KT. BỘ TRƯỞNG

THU TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

BIỂU MỨC TỶ LỆ TÍNH PHÍ THÂM ĐỊNH PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ VÀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Đối với dự án, công trình

STT	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ tính phí (%)					
		Đến 15	100	500	1000	5000	Từ 10000 trở lên
1	Dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông	0.00671	0.00363	0.00202	0.00135	0.00075	0.00050
2	Dự án, công trình dân khí, năng lượng, hóa chất	0.01328	0.00718	0.00399	0.00266	0.00148	0.00099
3	Dự án, công trình dân dụng, công nghiệp khác	0.00967	0.00523	0.00291	0.00194	0.00108	0.00072
4	Dự án, công trình khác	0.00888	0.00480	0.00267	0.00178	0.00099	0.00066

Ghi chú: Danh mục dự án, công trình thuộc Mục 1, 2, 3 Biểu mức này xác định theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp dự án, công trình không thuộc danh mục quy định tại Nghị định nêu trên thì được xác định theo Mục 4 Biểu mức này.

2. Đối với phương tiện giao thông cơ giới

STT	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Đến 05	50	100	500	Từ 1000 trở lên
	Tỷ lệ tính phí (%)					
1	Tàu hỏa	0.01214	0.00639	0.00426	0.00237	0.00158
2	Tàu thủy	0.02430	0.01279	0.00853	0.00474	0.00316

PHỤ LỤC

Một số nội dung triển khai thực hiện Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế về PCCC
(Ban hành kèm theo công văn số 4511 /C66-P6 ngày 23 tháng 12 năm 2016)

I. Một số nội dung cơ bản của Thông tư số 258/2016/TT-BTC:

1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1):

Quy định việc thu phí đối với các đối tượng thuộc Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, trong đó Thông tư quy định thu phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình và hồ sơ thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc về đảm bảo an toàn PCCC (sau đây viết gọn lại là dự án), không thực hiện thu phí thẩm duyệt thiết kế dự án quy hoạch tỷ lệ 1/500, thiết kế cơ sở dự án có từ 02 bước thiết kế trở lên và chấp thuận địa điểm xây dựng công trình.

1.2. Người nộp phí (Điều 3):

Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC dự án phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này, trong đó lưu ý:

- Việc nộp phí thẩm duyệt phải được người nộp phí thực hiện trước khi nhận Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với dự án hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với các hạng mục cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng hạng mục thuộc Dự án đã được nghiệm thu về PCCC hoặc thiết kế hạng mục bổ sung thuộc dự án đã được thẩm duyệt trước đó.

- Trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, khi ra văn bản thông báo nộp phí phải gửi cho chủ đầu tư, chủ phương tiện và chủ đầu tư, chủ phương tiện có trách nhiệm nộp phí thẩm duyệt theo quy định.

1.3. Phương pháp tính mức thu phí (Điều 5):

Phương pháp tính mức thu phí thẩm duyệt được xác định theo công thức như quy định tại Thông tư số 150/2014/TT-BTC, trong đó có điều chỉnh về tỷ lệ mức thu phí được xác định theo Biểu mức 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC, tuy nhiên cần lưu ý một số nội dung sau:

- Tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, chi phí sử dụng đất (tính toán trước thuế), trong đó:

+ Tổng mức đầu tư của dự án được căn cứ theo dự toán được xác nhận của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các đơn vị khác có liên quan theo quy định kèm theo

quyết định phê duyệt dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của dự án. Đối với phương tiện giao thông cơ giới căn cứ theo dự toán hoặc quyết định đầu tư của chủ phương tiện.

+ Dự án được phê duyệt được đầu tư xây dựng theo giai đoạn hoặc hạng mục, trong quyết định phê duyệt có phân chia mức đầu tư theo giai đoạn hoặc hạng mục thì căn cứ vào mức đầu tư đó để xác định phí thẩm duyệt trong quá trình thẩm duyệt giai đoạn, hạng mục theo đề nghị của chủ đầu tư.

+ Dự án được phê duyệt, trong quyết định phê duyệt chung dự án, trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư phân chia và thực hiện từng giai đoạn, hạng mục và đề nghị thẩm duyệt về PCCC, trong quá trình thẩm duyệt, nếu cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt cho giai đoạn, hạng mục dự án thì cơ quan Cảnh sát PCCC căn cứ theo dự toán của giai đoạn, hạng mục để thu phí thẩm duyệt (cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt đối với hạng mục, giai đoạn có công năng, hoạt động độc lập với các hạng mục khác thuộc dự án, ví dụ Khu dân cư có nhiều hạng mục, khối nhà ở, công cộng, dịch vụ....). Trường hợp, không cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt riêng cho hạng mục thuộc dự án (công trình công nghiệp xây dựng nhiều hạng mục có liên quan đến dây chuyền công nghệ....) mà cấp chung cho cả dự án thì không thực hiện thu phí giai đoạn thẩm duyệt hạng mục của dự án (cấp văn bản thẩm duyệt).

- Đối với dự án đã được cấp văn bản nghiệm thu về PCCC và đưa vào sử dụng:

+ Thẩm duyệt hồ sơ thiết kế cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; hoán cải phương tiện giao thông cơ giới thì thực hiện thu phí và mức thu phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư của hạng mục, dự án thiết kế cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của công trình và hoán cải phương tiện giao thông cơ giới.

+ Thẩm duyệt hạng mục xây dựng mới, bổ sung thì thực hiện thu phí và mức thu phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư dự án xây dựng mới hạng mục công trình.

- Đối với dự án đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC nhưng chưa được cấp văn bản nghiệm thu về PCCC:

+ Thẩm duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh dự án mà thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận thẩm duyệt mới thì thực hiện thu phí thẩm duyệt như đối với dự án mới, mức thu phí theo quy định của Thông tư số 258/TT-BTC (dự án điều chỉnh về quy mô, số tầng, công năng, tính chất sử dụng, ví dụ: Dự án nhà cao tầng được tăng số tầng, diện tích xây dựng, chuyển đổi công năng từ văn phòng sang chung cư.... so với thiết kế đã được duyệt)

+ Thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh hạng mục hoặc một phần của dự án mà không ảnh hưởng đến quy mô, tính chất sử dụng của dự án không bắt buộc phải

cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt mới (công văn thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh) thì không thu phí thẩm duyệt (dự án điều chỉnh số căn hộ, ngăn chia các gian phòng, khu vực kinh doanh, làm việc...).

- Đối tượng dự án để xác định mức thu phí được căn cứ theo biểu mức tỷ lệ tính phí 1, 2. Trong đó, danh mục dự án theo Mục 1, 2, 3 Biểu mức 1 được xác định theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ, trường hợp, dự án không thuộc danh mục của Nghị định nêu trên được xác định theo mục 4 Biểu mức 1.

- Đối với dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được cơ quan Cảnh sát PCCC ra văn bản thông báo nộp phí và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng dự án trong giai đoạn phê duyệt, chưa có nguồn vốn đầu tư nên chủ đầu tư chưa có đủ cơ sở để nộp phí thẩm duyệt theo quy định. Trường hợp này, chủ đầu tư có văn bản báo cáo gửi cơ quan Cảnh sát PCCC để xem xét việc chấp thuận nhận kết quả thẩm duyệt trước và nộp phí sau.

1.4. Quản lý và sử dụng phí (Điều 7):

a) Các khoản chi theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Điểm c Khoản 1 Điều 4 quy định “Cơ quan Công an được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí”, như vậy Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an, Cảnh sát PCCC các địa phương thuộc Bộ Công an thực hiện thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế về PCCC được chi từ phần phí trích lại thực hiện theo chế độ tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định này, cụ thể như sau:

- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định) theo hợp đồng với cơ quan thu phí (trường hợp đã trả tiền lương từ nguồn phí thẩm duyệt được trích lại, sẽ không trả lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định).

- Chi phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí thẩm duyệt, bao gồm:

+ Chi mua văn phòng phẩm như: Giấy in, giấy photocopy, bút, thước, dao, kéo, bấm kim, bấm lỗ ...;

+ Chi mua vật tư văn phòng như: Bàn, ghế văn phòng, máy in, máy scan, máy photocopy, máy vi tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu, hệ thống âm thanh phục vụ thẩm duyệt và hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định dự án...;

+ Chi sử dụng thông tin liên lạc (điện thoại, internet...), điện, nước trong và ngoài giờ hành chính; chi công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) cho cá nhân thực hiện công tác thẩm duyệt;

- Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện thẩm duyệt, thu phí; khấu hao tài sản cố định để thực hiện thẩm duyệt, thu phí.

- Chi mua sắm thiết bị làm việc, vật tư và nguyên liệu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện thẩm duyệt và thu phí như: Vật liệu, thiết bị để xây dựng mô hình, kiểm tra, đánh giá các giải pháp kỹ thuật về PCCC phức tạp, mới đối với dự án, công trình (thử tải trọng của mặt đường phía trên phần ngầm của dự án để bảo đảm an toàn cho xe chữa cháy, xe thang di chuyển, dỡ và triển khai hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thử khả năng ngăn cháy và chống tụ khói đối với buồng thang bộ kiểu lồng, buồng thang bộ không nhiễm khói trong nhà cao tầng; thử khả năng thoát khói trong các không gian ngầm, không gian công cộng của công trình....).

b) Chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 258/2016/TT-BTC:

- Chi bổ sung, hỗ trợ mua, thay thế, thuê phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thẩm duyệt theo quy định tại Thông tư, hướng dẫn của Bộ Công an; hỗ trợ lưu trữ hồ sơ thẩm duyệt, thực hiện như sau:

+ Đơn vị nghiên cứu, đề xuất trang bị phương tiện thiết bị PCCC phục vụ công tác thẩm duyệt theo danh mục được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BCA.

+ Trường hợp phương tiện, thiết bị thuộc danh mục này chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc chủng loại phương tiện, thiết bị để thực hiện trong quá trình thẩm duyệt các dự án, công trình mới, công nghệ kỹ thuật hiện đại, phức tạp các địa phương cần nghiên cứu, có ý kiến đề xuất gửi về C66 để tập hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ Công an quyết định

+ Chi để đầu tư, mua sắm toàn bộ hoặc một phần phương tiện thiết bị phục vụ công tác thẩm duyệt đã được phê duyệt trong đề án, dự án cấp cho Bộ Công an khi nguồn kinh phí triển khai còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác và không sử dụng nguồn ngân sách nhà nước đã duyệt theo đề án, dự án để mua các phương tiện, thiết bị được mua từ nguồn phí thẩm duyệt.

+ Chi để đầu tư, mua bổ sung, thay thế các phương tiện, thiết bị PCCC đã được trang bị phục vụ công tác thẩm duyệt bị hư hỏng hoặc hết niên hạn sử dụng mà chưa có nguồn ngân sách nhà nước bổ sung kịp thời.

+ Chi để thuê phương tiện, thiết bị thực hiện công tác thẩm duyệt (đối với các phương tiện, thiết bị không sử dụng thường xuyên hoặc khó khăn trong việc di chuyển).

+ Chi mua giá để hồ sơ, thùng, hòm, điều kiện khác... để lưu hồ sơ, bản vẽ; máy tính và phần mềm để lưu hồ sơ.... Trường hợp, ngân sách nhà nước cấp chưa đáp ứng để đầu tư cơ sở hạ tầng hoặc cải tạo kho lưu trữ hồ sơ, các địa phương cần có đề xuất gửi về C66 để tập hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ Công an quyết định về việc chi hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng hoặc cải tạo kho thực hiện lưu trữ hồ sơ thẩm duyệt.

- Chi hội đồng thẩm định dự án; thuê tổ chức thực hiện thẩm định dự án; mua và dịch tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác thẩm duyệt; chi làm thêm giờ cho cá nhân thực hiện thẩm duyệt và thu phí; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ công tác thẩm duyệt, thực hiện như sau:

+ Chi xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội đồng thẩm định để đánh giá giải pháp PCCC mới, phức tạp của các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới để phục vụ công tác thẩm duyệt thiết kế về PCCC;

+ Chi thuê cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện thẩm định về PCCC hồ sơ thiết kế các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu cao và phức tạp về giải pháp PCCC để phục vụ công tác thẩm duyệt thiết kế về PCCC (việc thẩm định về PCCC được thực hiện đồng thời và độc lập với thẩm duyệt thiết kế về PCCC của cơ quan thu phí, kết quả thẩm định coi là một trong những căn cứ để ra Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC).

+ Chi làm thêm giờ cho cá nhân thực hiện công việc thẩm định và thu phí (thủ tục chi làm thêm giờ thực hiện theo quy định).

+ Chi tổ chức thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm duyệt cho cán bộ làm công tác thẩm duyệt để nắm bắt được các yêu cầu về công nghệ mới, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC mới và quy định về PCCC của các nước tiên tiến được áp dụng cho các dự án tại Việt Nam nhằm nâng cao nghiệp vụ và bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

c) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện thẩm duyệt và thu phí, như: Chi in ấn, mua biên lai, hóa đơn thu phí và biểu mẫu giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC...;

1.5. Xử lý chuyển tiếp

- Dự án đã được chủ đầu tư, chủ phương tiện trình hồ sơ thẩm duyệt về PCCC theo quy định trước ngày Thông tư số 258/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành nhưng cơ quan Cảnh sát PCCC cấp văn bản thẩm duyệt sau ngày Thông tư có hiệu lực thi hành thì mức phí thẩm duyệt được xác định theo quy định tại Thông tư này.

- Dự án đã thực hiện thu phí thẩm duyệt thiết kế cơ sở đã thu theo Thông tư số 150/2014/TT-BTC, phí thẩm duyệt khi cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC được xác định theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC trừ đi số tiền phí đã thu trong giai đoạn thẩm duyệt thiết kế cơ sở. Trường hợp, mức thu phí xác định theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC thấp hơn số tiền phí thẩm duyệt thiết kế cơ sở dự án theo Thông tư số 150/2014/TT-BTC đã nộp; căn cứ theo quy định của văn bản pháp luật về phí và lệ phí không quy định việc hoàn trả lại số tiền chênh lệch cho chủ đầu tư nên không thực hiện việc hoàn trả lại số tiền chênh lệch mà mức thu phí thẩm duyệt đối với dự án được xác định theo số tiền đã thu thiết kế cơ sở.

- Cơ quan Cảnh sát PCCC thực hiện quyết toán số thu từ phí thẩm duyệt năm 2016 theo quy định của Thông tư số 150/2014/TT-BTC. Sau khi quyết toán,

số tiền phí thẩm duyệt được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo quy định của Thông tư số 258/2016/TT-BTC đến ngày 01/01/2018, số tiền phí còn dư được thu theo Thông tư số 150/2014/TT-BTC phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

II. Trình tự thực hiện công tác thu phí

2.1. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ thẩm duyệt về PCCC theo quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, thu phí và nghiệm thu về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC.

2.2. Căn cứ tổng mức đầu tư dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới để xác định mức phí thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Thông tư số 258/2016/TT-BTC cụ thể như sau:

- Kiểm tra, xác định dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới thuộc nhóm đối tượng nào được quy định tại Biểu mức tỷ lệ tính phí 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC.

- Xác định tổng mức đầu tư của dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới để tính phí thẩm duyệt về PCCC theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC.

- Tính toán, xác định mức thu phí thẩm duyệt về PCCC thực thu đối với dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới theo công thức quy định tại Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC.

- Dự thảo văn bản thông báo nộp phí thẩm duyệt trình các cấp lãnh đạo duyệt, ký. Văn bản được lấy số, dấu vào sổ theo dõi và gửi chủ đầu tư, chủ phương tiện 02 bản, gửi đơn vị thực hiện thu phí 01 bản và lưu 01 bản tại đơn vị ra văn bản thông báo thu phí.

2.3. Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm tiếp nhận văn bản thông báo nộp phí và thu tiền phí thẩm duyệt hoặc tiếp nhận hoá đơn chứng từ nộp phí của chủ đầu tư, chủ phương tiện; viết và trả chứng từ thu phí cho chủ đầu tư, chủ phương tiện, vào sổ theo dõi, lập báo cáo quyết toán với cơ quan thuế và nộp tiền phí thu được vào tài khoản của cơ quan thu phí mở tại Kho bạc nhà nước theo quy định của các văn bản pháp luật.

2.4. Cán bộ thực hiện trả kết quả thẩm duyệt về PCCC đối với dự án, công trình sau khi chủ đầu tư, chủ phương tiện hoàn thành thủ tục nộp phí thẩm duyệt về PCCC và xuất trình chứng từ thu phí thẩm duyệt theo quy định (cán bộ trả kết quả giữ lại bản sao y chứng từ thu phí).

III. Triển khai thực hiện Thông tư

3.1. Công an, Cảnh sát PCCC địa phương cần xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 258/2016/TT-BTC, trong đó cần thực hiện: Phân công rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thực hiện thủ tục tiếp nhận hồ sơ thẩm

duyet; ra văn bản thông báo nộp phí thẩm duyệt về PCCC; thu, quản lý, sử dụng phí thẩm duyệt về PCCC; đầu tư, trang bị các phương tiện, thiết bị... phục vụ công tác thẩm duyệt và thu phí.

3.2. Tổ chức xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về quản lý và sử dụng phí thẩm duyệt được trích lại để thống nhất thực hiện tại Công an, Cảnh sát PCCC địa phương để phù hợp với quy định của Thông tư số 258/2016/TT-BTC.

3.3. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBCS trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính, thu, quản lý, sử dụng phí thẩm duyệt về PCCC để bảo đảm thực hiện công khai, nghiêm túc, đúng quy định.

3.4. Thông tin đầy đủ nội dung Thông tư số 258/2016/TT-BTC, trình tự thực hiện thu phí (thông tin về tên, điện thoại, địa chỉ của đơn vị thực hiện thu phí; số tài khoản thu phí, địa chỉ kho bạc nhà nước nơi cơ quan thu phí đăng ký) tại trụ sở cơ quan thu phí và trên Website để cơ quan, tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.